

CHÍNH SÁCH CỦA VUA LÊ THÁNH TÔNG ĐỐI VỚI VIỆC BẢO VỆ LÃNH THỔ ĐẤT NƯỚC

TRƯƠNG VĨNH KHANG*

Lê Thánh Tông (1442-1497) (1) là một hoàng đế có vai trò quan trọng trong sự nghiệp củng cố và phát triển nhà nước phong kiến quan liêu. Ông đã có công lao to lớn trong việc bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ đất nước và mở rộng bờ cõi quốc gia. Dưới triều đại Lê Thánh Tông, nhà nước được tổ chức dựa trên những thể chế điển chương, pháp luật do hoàng đế đặt ra: chuộng văn trọng võ, mở mang đất đai, bờ cõi, bảo vệ chủ quyền biên giới trên bộ và bờ biển, hải đảo. Nhà vua khuyến khích phát triển nông nghiệp, bảo vệ dê điền, khai hoang bằng các chính sách và pháp luật cụ thể. Về văn hoá, “nhà vua định phép thi hương, sửa phép thi hội, để chọn nhân tài. Thường Ngải ra làm chủ các kỳ thi đình” (2). “Chính Lê Thánh Tông mở rộng nhà thái học ở phía sau. Phía trước thì làm nhà Văn Miếu, làm kho bí thư (thư viện) để mà chứa sách”. Ông cũng là nhà văn hoá lớn, nhà thơ, chủ soái của Hội “Tao đàn nhị thập bát tú”. Thơ của ông và của Hội Tao đàn rất nhiều, có vị trí đặc biệt trong văn học Việt Nam. Dưới triều đại của Lê Thánh Tông, bộ lịch sử đồ sộ của Việt Nam “Đại Việt sử ký toàn thư” hoàn thành năm Kỷ Hợi - 1497.

Trong rất nhiều công trạng to lớn của Lê Thánh Tông có việc xây dựng và bảo vệ tổ quốc trên cơ sở độc lập thống nhất và bảo toàn lãnh thổ đất nước, ông đã có những tư tưởng, chính sách sáng suốt, chủ động và tiên quyết trong trị vì để xây dựng đất nước và bảo vệ biên giới cả ở phía Nam, phía Tây và nhất là phía Bắc. Trong bộ *Luật Hồng Đức* là bộ luật đầy đủ và tiến bộ nhất của nhà nước phong kiến Việt Nam ra đời dưới triều đại Lê Thánh Tông cũng đã thể hiện rất nhiều điều luật về bảo vệ lãnh thổ đất nước.

1. Chính sách của vua Lê Thánh Tông về xây dựng một nhà nước thống nhất trên cơ sở bảo toàn lãnh thổ

Sau Khởi nghĩa lam Sơn, nhà Minh mặc dù bị bại trận nhưng vẫn không thôi âm mưu xâm lược và vẫn tìm cách gây hấn, vua bảo triều thần là phải kiên quyết giữ gìn đất đai của tổ tiên, không để mất một phần núi sông nào. Sử chép: “Ngải đã bảo với triều thần rằng: Ta phải giữ gìn cho cẩn thận, đừng để cho ai lấy mất một phần núi, một phần sông của vua Lý Thái Tổ để lại” (3).

Kể cả khi đất nước thanh bình, nhà vua vẫn không ngừng nâng cao ý thức về việc

* Th.S. Viện Nhà nước và Pháp luật

bảo vệ lãnh thổ quốc gia. Lời Dụ của nhà vua cho thấy rõ điều đó. Năm 1471, lời Dụ quan Thái bảo Lê Cảnh Huy rằng: “Một thước núi, một tấc sông của ta có lẽ nào tự nhiên vứt bỏ đi được. Phải kiên quyết tranh luận, không để họ lấn dần. Nếu họ không theo, còn có thể sai sứ sang tận triều đình của họ, biện bạch rõ lẽ phải trái. Nếu người nào dám đem một thước núi, một tấc đất đai của Thái Tổ để lại để làm mối cho giặc, kẻ ấy sẽ bị trừng trị nặng (tru di)” (4). Câu nói đó biểu lộ ý chí mãnh liệt của Lê Thánh Tông trong việc bảo vệ nền độc lập dân tộc và lãnh thổ quốc gia, đồng thời có thể được xem như một quan niệm chính trị rất cơ bản trong nhận thức về trách nhiệm quản lý nhà nước của ông.

Lê Thánh Tông có một thuận lợi rất quan trọng là khi lên làm vua, đất nước đã thanh bình, sạch bóng quân xâm lược nhờ công lao kháng ngoại của những vị vua sáng đầu triều Lê Sơ mà người khai quốc mà Lê Thái Tổ, người đã lãnh đạo nhân dân Đại Việt kháng chiến, đánh đuổi quân xâm lược nhà Minh giành độc lập, toàn vẹn lãnh thổ cho Tổ quốc và đặt nền móng cho vương triều Lê Sơ. Ông lại tiếp thu được truyền thống tư tưởng được hun đúc ngàn đời của người Việt coi đất đai, bờ cõi là thiêng liêng, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia là bất khả xâm phạm, biên giới là phen dậu, yết hầu quan yếu của đất nước. Vì vậy, trong quan niệm của nhà vua về một nhà nước quân chủ tập quyền chuyên chế, trong đó vai trò lớn mạnh của một hoàng đế gắn liền với sự lớn mạnh của quốc gia dân tộc độc lập, tự chủ. Tư tưởng về xây dựng một nhà nước độc lập, thống nhất trên cơ sở bảo toàn và mở rộng lãnh thổ của Lê Thánh Tông là một tư tưởng chỉ đạo nhất quán, được biểu hiện

rất rõ nét qua các chính sách cụ thể của ông.

Trước hết, để làm cơ sở cho việc khẳng định nền độc lập, Lê Thánh Tông quan tâm tới việc xác định rõ ràng cương vực của đất nước. Dưới triều đại của mình đã có đến hai lần ông cho định lại bản đồ cả nước. Lần thứ nhất, vào năm cuối niên hiệu Quang Thuận (1469): “Định lại bản đồ các phủ, châu, huyện, xã, trang, ‘sách’” (5). Lần thứ hai, vào năm thứ 21 niên hiệu Hồng Đức (1490): “Mùa hạ, tháng tư ngày mồng 5, định lại bản đồ trong nước: 13 xứ thừa tuyên, có 52 phủ, 178 huyện, 50 châu, 20 hương, 36 phường, 6.851 xã, 322 thôn, 637 trang, 40 sách, 30 nguyên, 30 trường” (6). Bản địa đồ toàn quốc được vẽ và công bố cho thần dân trong nước đều biết là sự chính thức xác nhận bằng một văn bản có tính nhà nước và là văn bản pháp lý nhà nước về chủ quyền dân tộc đối với lãnh thổ Đại Việt. Ngày nay, qua sao chép nhiều lần, bản địa đồ có thể không còn hoàn toàn chính xác nhưng cái tên *Hồng Đức bản đồ* thì đã đi vào chính sử và nổi tiếng trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Và điều quan trọng hơn, Hồng Đức bản đồ là một trong những minh chứng về ý thức bảo toàn nền độc lập, thống nhất dân tộc của Lê Thánh Tông.

2. Chính sách về xây dựng nền quốc phòng vững mạnh

Một nhà nước độc lập, thống nhất đòi hỏi trước hết phải loại trừ được những nguy cơ xâm lấn từ bên ngoài và những nguy cơ phân tán cát cứ từ bên trong. Điều này đã trở thành một trong những định hướng cơ bản cho những chính sách cai trị của Lê Thánh Tông. Chính sách về xây dựng nền quốc phòng mạnh của vua Lê Thánh Tông

thể hiện ở ba nội dung: *Một là*, xây dựng lực lượng quân đội tinh nhuệ, hùng mạnh; *Hai là*, chú trọng về biên phòng; *Ba là*, ngăn chặn nguy cơ cát cứ trong nước.

Lê Thánh Tông cho rằng, đất nước “luôn được phòng bị lòng bụng nanh vuốt mà giữ vững việc trị an đến mãi vô cùng”, vì vậy ông coi việc chăm lo xây dựng quân đội vững mạnh làm cái nền vô bị cho Nhà nước là mối quan tâm đầu tiên. Chính sách quan trọng nhất của vua Lê Thánh Tông là cải cách toàn diện nền binh dịch nhà nước, làm cho quân đội gọn nhẹ nhưng tinh nhuệ, có quân thường trực tại ngũ mạnh và có lực lượng dự bị đông đảo có thể huy động khi cần thiết. Biện pháp này được bắt đầu từ việc nhà nước chú trọng xây dựng quân đội, đặt quân đội dưới sự chỉ huy thống nhất của triều đình mà đứng đầu là nhà vua. Trong *Quốc triều hình luật* (Bộ luật Hồng Đức) có tới 43 điều quy định về “Quân chính” rất nghiêm khắc. Ví dụ: Điều 1: “*Những quan tướng hiệu cai quản từ ba vạn quân trở xuống, 50 lính trở lên, nếu không sẵn sóc luyện tập để hàng ngũ không chỉnh tề, quân lính không tinh nhuệ, biếng nhác việc quân, làm cho quân khí hư hỏng phải sửa chữa, hao tổn tiền công, hay ăn bớt của công, làm việc riêng bỏ việc công, xét tội nhẹ thì bị biếm hay cách chức, tội nặng thì bị đồ hay lưu. Nếu khi chống giặc mà phạm những lỗi trên, thì không kể nặng nhẹ đều phải chém*” (7).

Trong công cuộc cải cách tổ chức bộ máy nhà nước Lê Thánh Tông bãi bỏ chức tể tướng, củng cố lại bộ Binh, thiết lập khoa Binh (một cơ quan không thuộc quân đội, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của vua) để giám sát hoạt động của bộ Binh và quân đội, đồng thời duyệt định lại hệ thống võ quan. Tiếp đó, chế độ binh dịch được xây

dựng lại theo hướng chính quy. Quân đội được biên chế thành hai lực lượng, đó là quân của triều đình và quân của các đạo, còn gọi là quân trong kinh và quân ngoài các đạo. Chế độ quân ngũ được xét định lại. Ngay từ những năm đầu làm vua, Lê Thánh Tông đã lệnh cho cả nước lập sổ hộ tịch và phân hạng dân đinh làm cơ sở thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội và tuyển lính. Năm 1470 triều đình định lệ tuyển lính: nhà có ba đinh thì một sung vào hạng lính (quân thường trực), một sung vào hạng quân (quân dự bị), người còn lại được miễn binh dịch... Nhà nước, một mặt, nghiêm cấm và trừng trị nặng tội ẩn lậu dân đinh, bán thả quân nhân và tội bỏ trốn quân ngũ, nhưng mặt khác mở rộng diện miễn tuyển, nhất là đối với diện nho sinh học giỏi, đồng thời có chính sách ưu đãi để động viên binh lính. Ví dụ, Điều 387 bộ *Luật Hồng Đức* quy định: “Con trai từ 16, con gái từ 20 trở lên mà ruộng đất của mình để người trong họ hay người ngoài cày hay ở, đã quá niên hạn mới miễn cưỡng đòi lại thì xử phạt 80 trượng và mất ruộng đất. Nếu vì chiến tranh (đi lính) hay đi phiêu bạt mới về thì không theo luật này”. Như vậy, quân lính được chia ruộng đất công của công xã và được bảo vệ quyền chiếm hữu ruộng đất đó. Ngoài ra, chế độ “Ngụ binh ư nông” có từ thời Lý, Trần và vẫn được duy trì thực hiện ở thời Lê Sơ. Và, ở thời Lê Sơ, chính sách “Ngụ binh ư nông” thực hiện mở rộng hơn đến cả quân Cẩm vệ. Quân lính thay phiên nhau về tham gia sản xuất, vừa đảm bảo nhân lực cho lao động, giảm bớt người thoát ly sản xuất, vừa đỡ phần chi phí cho quân đội, bảo đảm cân đối giữa kinh tế và quốc phòng. Với tất cả những biện pháp đó, quân đội dưới thời Lê Thánh Tông là một lực lượng quân sự hùng hậu - chỗ dựa vững chắc cho sự tồn tại của

vương triều và nền độc lập quốc gia. Trên thực tế, lực lượng quân đội này đã đóng vai trò quan trọng ngăn chặn các hành vi quấy rối biên giới lãnh thổ Đại Việt của phong kiến phương Bắc. Sử cũ có chép lại một số sự kiện như: Quan nhà Minh ở châu An Bình, phủ Thái Bình, tỉnh Quảng Tây là Bột Lân đã cho quân sang đánh châu Hạ Lang, nhưng bị quân nhà Lê đánh bại, phải rút về nước; Quân nhà Minh ở Bằng Tường nhiều lần vượt biên giới vào cướp bóc ở vùng Lạng Sơn nhưng đều bị ngăn chặn và phải rút về nước.

Đối với việc biên phòng, Lê Thánh Tông không chỉ chú trọng xây dựng quân đội mà còn nhận thấy cần có những chính sách biên phòng thích hợp, bao gồm cả việc tổ chức lực lượng quân đội canh giữ chặt chẽ các vùng biên giới đất liền và biển đảo, cả việc thi hành chính sách an dân miền biên viễn thông qua biện pháp tranh thủ các tù trưởng dân tộc thiểu số, biến họ thành quan chức của triều đình, cũng như các biện pháp ưu đãi và tôn trọng lệ tục riêng của các tộc người thiểu số. Nhiều nguồn tư liệu lịch sử đều cho biết: dòng họ Đèo ở Mường Lễ, họ Cẩm ở Tây An, họ Xa, họ Cẩm ở Hưng Hoá, họ Vi ở Lạng Sơn (8), họ Hoàng, họ Bé ở Cao Bình (Thái Nguyên)... đều là những phiên thần nhận quan chức của nhà Lê. Như chúng ta đã biết, dưới thời vua Lê Thánh Tông, ở cấp chính quyền huyện - châu, các huyện miền xuôi thì tất cả những người đứng đầu cấp huyện đều do triều đình bổ nhiệm. Nhưng các châu ở miền núi thì vẫn giao cho các tù trưởng quản lý. Với sự tăng cường cao độ của nhà nước trung ương tập quyền, việc trấn giữ miền núi nói chung và vùng biên giới nói riêng được triều đình quản lý chặt chẽ hơn. Một mặt triều đình vẫn sử dụng lực lượng thổ tù, cho họ được

nhận sắc phong của triều đình. Ở cấp châu, huyện ở miền núi vẫn hầu hết đều do các tù trưởng người dân tộc nắm giữ. Nhà Lê đặt chức Tri châu, Đại tri châu để bổ nhiệm cho các tù trưởng, lang đạo ở ngoại phiên. Mặt khác, nhà Lê còn cử một số quan lại cao cấp, những công thần của triều đình hoặc con cháu của họ lên miền núi, vùng biên viễn để quản lãnh, cai trị địa phương và chiêu dân lập ấp ở đây, đồng thời còn làm nhiệm vụ bảo vệ biên cương của đất nước. Nhiều quan lại được cử lên trấn trị tại địa phương đã cha truyền con nối trở thành những phiên thần của triều đình.

Quan tâm tới biên giới lãnh thổ nhằm bảo toàn lãnh thổ được biểu hiện đặc biệt rõ qua thái độ và hành động của Lê Thánh Tông trong quan hệ với Chiêm Thành tại biên giới phía Nam. Sau nhiều lần tranh chấp mốc giới và đã sử dụng nhiều biện pháp quân sự để phòng vệ biên giới không có hiệu quả, nhân lần chống trả cuộc tấn công quy mô lớn của quân Chiêm Thành với "hơn 10 vạn quân thủy, quân bộ cùng voi ngựa đến đánh úp Hoá châu", Lê Thánh Tông đã trực tiếp cầm quân đánh thắng quân Chiêm và theo đà thắng lợi đã tiến thẳng đến kinh đô Chà Bàn (thành Đồ Bàn, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định ngày nay) quy phục được Chiêm Thành. Đạo thừa tuyên thứ 13 (đạo Quảng Nam) của Đại Việt ra đời trong hoàn cảnh đó.

Cũng tương tự với khu vực vùng biên giới Tây Bắc Nghệ An đến Quảng Bình, dọc dãy Trường Sơn với dòng họ Cẩm đời đời làm tù trưởng. Trước đây dưới thời vua Lê Nhân Tông đã "đổi tên Bồn Man thành châu Quy Hợp vẫn cho dòng họ Cẩm giữ chức phụ đạo và tự cai trị nước họ như xưa" (9). Đến năm thứ 10 niên hiệu Hồng Đức (Lê Thánh Tông) thổ tù là Cẩm Nông làm

phản muốn tách ra. Nhà vua đã sai tướng Lê Niêm đánh dẹp và đưa cả vùng này thành phủ và bảy huyện đó là phủ Trấn Ninh thuộc tỉnh Nghệ An ngày nay.

Đối với những người giữ quan ải mà để kẻ quan lọt vào thì tùy theo tội nặng nhẹ mà trị tội. Những người bắt được kẻ gian thì được thưởng: "Những người giữ quan ải không khám xét cẩn thận, để kẻ gian đưa lọt tin tức ra ngoài hay có kẻ gian lọt vào trong hạt mình dò la tình hình, thì xử tội đồ, tội lưu hay tội chết. Người khác mà bắt được kẻ gian, được thưởng tước hai tư" (10).

Ngăn chặn nguy cơ cát cứ trong nước, nhằm xây dựng một Nhà nước độc lập, thống nhất. Đối với các địa phương, vai trò, trách nhiệm của các quan ở huyện, châu được quy định rõ: "Tuần hành (trong hạt), vỗ về, khuyên bảo giúp đỡ dân chúng, phải chăm chú điều lệ của triều trước đã chuẩn định. Trong huyện hạt nếu có kẻ mưu ngầm làm loạn rủ nhau tụ tập bè đảng, thì cho tra khám cho được đích thực, một mặt phải trình quan trấn thủ để tùy cách bắt nã, một mặt làm tờ khai đệ lên để có bằng cứ xét lường sai bất. Viên nào trình cáo được sự thực thì thăng thưởng vượt mức; nếu không biết không trình, cùng là có trình mà không đúng thực, đều xử theo tội nặng. Xã nào có trộm cướp xảy mà cáo tại trấn quan thì cho viết một bản đơn riêng nữa nộp ở nha môn, chuyển trình lên Hiến ty, để làm tài liệu khảo khóa" (11). Những quan lại ở các địa phương tự tiện tụ họp quân dân thì bị ghép vào tội phản nghịch. Điều 35, chương Quân chính trong *Quốc triều hình luật* quy định: "Những người cai quản quân dân, không có chiếu chỉ mà tự tiện điều động quân dân họp thành đội ngũ, ghép vào tội âm mưu phản nghịch..." (12).

Như đã nêu ở trên, việc nhà nước chú trọng xây dựng, điều động và chỉ huy quân đội đã loại trừ hoàn toàn khả năng các quý tộc có quân đội riêng như trước, cũng có nghĩa là loại trừ khả năng các quý tộc gây thanh thế, tự lập lực lượng để cát cứ tại địa phương. Ngay quân đội của nhà nước cũng được tổ chức chặt chẽ theo hướng tập trung sự chỉ huy thống nhất vào triều đình trung ương. Lê Thánh Tông muốn tăng cường lực lượng quân sự tại địa phương nhưng lại muốn hạn chế quyền lực của các tướng, vì vậy, một mặt ông thay đổi tổ chức quân đội theo 5 đạo như trước kia và chia cả nước thành 13 đạo thừa tuyên, mặt khác ông đặt ở mỗi đạo ba ty để quản lý trong đó có Đô ty là cơ quan cai quản việc quân mà ở đó có quan Tổng binh, Tổng binh thêm sự và Tổng binh đồng trị đại diện cho nhà nước trung ương nắm giữ binh quyền trong mỗi đạo. Đi đôi với biện pháp ngăn chặn, hạn chế quyền lực của các thế lực địa phương, Lê Thánh Tông tăng cường đàn áp bạo loạn, nhất là những hành vi bạo phản ở vùng biên giới có sự tiếp tay của các thế lực ngoại bang ở cả phía Tây, phía Bắc và phía Nam. Bổ trợ cho hoạt động đó, triều đình tiến hành quản lý chặt chẽ hơn trước đối với những thổ quan miền biên viễn: ngoài việc cử những viên quan tin cậy người miền xuôi lên trấn trị những vùng hiểm yếu của biên cương, triều đình còn buộc họ phải thực hiện nghiêm ngặt các quy định, nghi thức của triều đình; mặc dù được tự trị lớn song các viên quan người địa phương phải chịu sự giám sát của triều đình và họ không có quyền thế tập nếu không có quyết định của triều đình; Khi tiếp kiến quan trên, những thổ quan phải đội mũ đeo đai giống các viên quan khác, không có quyền tự ý ăn mặc theo lối riêng; nếu có công họ được ban thưởng, nếu có tội họ bị xử lý nghiêm khắc

theo luật nước... Ngoài ra, như đã nêu ở trên, các biện pháp cải cách hành chính do Lê Thánh Tông tiến hành trên phạm vi cả nước theo hướng thu hẹp quyền hành của quan lại địa phương, ràng buộc trung ương với địa phương, cũng góp phần hạn chế khuynh hướng cát cứ, bảo toàn sự thống nhất và quyền lực tập trung của vương triều.

3. Ban hành pháp luật về xây dựng và bảo vệ lãnh thổ đất nước

Nhằm chống nguy cơ xâm lấn từ bên ngoài và làm phần từ bên trong, Lê Thánh Tông coi trọng việc sử dụng các biện pháp pháp luật. Trở lại *Bộ luật Hồng Đức*, có thể giúp thấy rõ điều đó. Bộ luật đã thể chế hoá những tư tưởng, chính sách, biện pháp để bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh quốc gia qua khá nhiều điều luật, chẳng hạn như: Các quy định trừng phạt các hành vi xâm phạm chủ quyền lãnh thổ, chủ quyền kinh tế quốc gia, như: trốn ra nước ngoài (Điều 71), bán ruộng đất ở bờ cõi cho người nước ngoài (Điều 74), bán binh khí và thuốc nổ cho người nước ngoài (Điều 75), chặt tre, gỗ phá thế hiểm yếu vùng biên giới (Điều 88), vận chuyển trái phép hàng hoá thiết yếu qua biên giới (Điều 76); Các quy định trừng phạt hành vi phá hoại an ninh quốc gia và trật tự ven biên, như: mưu phản (Điều 25), thông đồng với người nước ngoài tiết lộ bí mật quốc gia (Điều 79); Các quy định trừng phạt hành vi vi phạm trách nhiệm của quan lại trấn ải nơi biên giới, như: tướng sĩ trấn giữ nơi biên ải mất cảnh giác làm tổn hại nghiêm trọng đến chủ quyền và an ninh quốc gia (Điều 613). Như vậy có thể thấy rằng trong một *Bộ luật Hồng Đức* với 13 chương 722 điều đã có 8 điều quy định về bảo vệ an ninh, lãnh thổ đất nước, chống

thù trong, giặc ngoài. Đây cũng là một trong những yếu tố xác định vị vua có tư tưởng pháp trị nhất trong xây dựng đất nước và bảo vệ tổ quốc thời Lê Sơ.

Nhận xét: Xây dựng nhà nước độc lập, thống nhất trên cơ sở bảo toàn lãnh thổ là một nội dung tư tưởng nhất quán trong đường lối trị nước của Lê Thánh Tông. Tư tưởng đó không chỉ là tư tưởng chỉ đạo mọi hành động mà còn thể hiện ở những chủ trương, chính sách cụ thể của vua Lê Thánh Tông. Những chính sách đó không chỉ là cơ sở mà còn tác động sâu sắc tới các triều đại sau.

Trị vì trong 38 năm của vua Lê Thánh Tông với việc bảo vệ lãnh thổ và xây dựng nước Đại Việt hưng thịnh trong lịch sử là những bài học cho hậu thế. Và, nhất là trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa. Một nhà nước độc lập, thống nhất đòi hỏi trước hết phải loại trừ được những nguy cơ xâm lấn từ bên ngoài và những nguy cơ phân tán cát cứ từ bên trong. Điều này đã trở thành một trong những định hướng cơ bản cho những chính sách trị vì đất nước của vua Lê Thánh Tông.

Các giá trị về độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, về xây dựng một nhà nước tập quyền của dân mạnh về kinh tế, văn hóa xã hội, về xây dựng một nhà nước đề cao vai trò của pháp luật trong quản lý xã hội và bảo vệ tổ quốc đến nay còn nguyên giá trị.

Vấn đề độc lập dân tộc, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ đất nước luôn luôn là vấn đề quan trọng hàng đầu của quốc gia. Đó là vấn đề rất thiêng liêng đối với dân tộc Việt Nam, được pháp luật của Nhà nước Việt Nam xác lập và bảo vệ. Điều 1 của Hiến pháp 1992 khẳng định: "*Nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một*

nước độc lập; có chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bao gồm cả đất liền, các hải đảo, vùng biển và vùng trời". Bộ luật Hình sự của Nhà nước Việt Nam đã xếp tội phản bội tổ quốc, gây nguy hại đến độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc vào các tội đặc biệt nguy hiểm xâm phạm an ninh quốc gia. Bộ luật dự liệu khung hình phạt cao nhất áp dụng đối với người thực

hiện hành vi phạm tội này. Qua đây có thể thấy rằng hơn bao giờ hết, vấn đề độc lập dân tộc, thống nhất đất nước được thấm nhuần sâu sắc, thể hiện rõ ràng trong chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và trong các văn bản pháp luật của Nhà nước Việt Nam hiện nay. Nhà nước ta đã thể hiện được khả năng tiếp thu và phát huy giá trị tích cực này trong giai đoạn đổi mới đất nước.

CHÚ THÍCH

(1). Lê Thánh Tông - Lê Tư Thành, còn có tên là Hạo, ở ngôi 38 năm (1460 - 1497), 10 năm đầu đặt niên hiệu là Quang Thuận. Từ 1470 - 1497 đặt niên hiệu là Hồng Đức.

(2). Trần Trọng Kim. *Việt Nam sử lược*. Nxb. Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, 2002, tr. 263.

(3). Trần Trọng Kim. Sdd, tr. 263.

(4). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập (T 1 - 2). Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr. 112.

(5). *Đại Việt sử ký toàn thư*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà nội, 2004, tr. 464.

(6). *Đại Việt sử ký toàn thư*, sdd, tr. 538.

(7). *Quốc triều hình luật*, trong *Cổ luật Việt Nam*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2009, tr. 59.

(8). Có giả sử cho rằng, Họ Vi, dòng họ có nhiều thế hệ trấn giữ vùng biên ải phía Bắc (đến đầu thế kỷ XX như Vi Văn Định) vốn gốc là người Kinh ở Diễn Châu, Nghệ An. Dưới triều Lê được phong tước và được cử lên phía Bắc định cư, kết hôn với con gái dân tộc Tày và sinh cơ lập nghiệp lâu dài ở đó và là lực lượng trấn ải đáng tin cậy của triều đình Đại Việt ở Thăng Long.

(9). Hoàng Cao Khải, *Việt sử yếu*. Nxb. Nghệ An - Trung tâm văn hoá ngôn ngữ Đông - Tây, 2007, tr. 269.

(10). Điều 38, Chương Quân chính, *Quốc triều hình luật* trong *Cổ luật Việt Nam*, sdd, tr. 64.

(11). Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1992, tr. 500.

(12). *Cổ luật Việt Nam*, sdd, tr. 64.